

Kiến thức, thái độ, thực hành dự phòng ung thư cổ tử cung của bệnh nhân đang điều trị tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương

Knowledge, attitude and practice about prevention of cervical cancer in patients who treated at the national hospital of gynecology and obstetrics

Vũ Văn Du và cộng sự

Bệnh viện Phụ sản Trung ương

Tóm tắt

Mục tiêu: Kiến thức, thái độ và thực hành trên 860 bệnh nhân đang điều trị các bệnh lý phụ khoa tại Khoa Điều trị theo yêu cầu Bệnh viện Phụ sản Trung ương về phòng chống ung thư cổ tử cung. Đối tượng và phương pháp: Sử dụng thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang. Kết quả: 85% đối tượng nghiên cứu hiểu biết đúng về nguyên nhân chính gây ung thư cổ tử cung là virus HPV. Biện pháp phòng bệnh được đối tượng nghiên cứu biết đến nhiều nhất là tiêm phòng vắc-xin HPV (91,2%), quan hệ tình dục an toàn (88,5%), khám sức khỏe định kỳ (86,3%). 56,5% đối tượng nghiên cứu thực hiện đi khám sức khỏe định kỳ và chỉ có 21,2% thực hiện tiêm phòng vắc-xin HPV. Kết luận: Cần tuyên truyền cho người dân nói chung cũng như tư vấn cho những bệnh nhân đến khám, điều trị tại các cơ sở y tế nói riêng nên khám sức khỏe định kỳ và tiêm phòng vắc xin HPV để phòng bệnh ung thư cổ tử cung.

Từ khóa: Ung thư cổ tử cung, kiến thức, thái độ, thực hành, Bệnh viện Phụ sản Trung ương.

Summary

Objective: To describe the knowledge, attitude and practice on 860 patients who treated for gynecological pathology at Treatment on demand department of national hospital of gynecology and obstetrics about prevention of cervical cancer. **Subject and method:** This is a cross-sectional study. **Result:** 85% of study subjects correctly understood the main cause of cervical cancer is HPV. The best known preventive measures of study subjects were HPV vaccination (91.2%), safe sex (88.5%) and periodic health examination (86.3%). 56.5% of study subjects conducted periodic health examination and only 21.2% have implemented HPV vaccination. **Conclusion:** Propaganda is necessary for the general population as well as advice for patients who examined and treated at health facilities to the periodic health examination and vaccination HPV to prevent cervical cancer.

Keywords: Cervical cancer, knowledge, attitude, practice, national hospital of gynecology and obstetrics.

1. Đặt vấn đề

Ung thư cổ tử cung (UTCTC) là dạng ung thư sinh dục, đứng thứ 2 trong tất cả các bệnh ung thư hay mắc ở phụ nữ [1]. Hàng năm trên toàn thế giới

Ngày nhận bài: 20/12/2016, ngày chấp nhận đăng: 03/01/2017

Người phản hồi: Vũ Văn Du, Email: dutruongson@gmail.com - Bệnh viện Phụ sản Trung ương

có khoảng 520 nghìn trường hợp mới mắc và khoảng 260 nghìn trường hợp tử vong do UTCTC, chiếm 7,5% các trường hợp tử vong do ung thư ở phụ nữ [2].

Tỷ lệ tử vong ở các nước đang phát triển cao gấp 4 lần các nước phát triển; 80% đến 85% trường hợp tử vong do UTCTC xảy ra tại các nước đang phát triển. Theo các nghiên cứu ung thư tại Việt Nam thì nước ta có tỷ lệ mắc UTCTC ở mức cao trên thế giới và có xu hướng ngày càng gia tăng. Nguyên nhân trực tiếp gây ra UTCTC hiện chưa được biết nhưng từ năm 1984, các nhà khoa học Đức đã khẳng định mối liên quan giữa nhiễm virus gây u nhú ở người - Human papilloma virus (HPV) và sự hình thành tiền ung thư, sau đó là ung thư thật sự tại cổ tử cung.

Tuy nhiên, việc phòng bệnh lại không phức tạp và khó khăn nếu người phụ nữ có kiến thức đúng và đầy đủ về cách phòng ngừa. Ngoài ra, thái độ thực hành và một số yếu tố ảnh hưởng cũng cần phải được quan tâm đến, từ đó hoàn thiện và nâng cao khả năng phòng bệnh, dự phòng cấp 1 và cấp 2.

Qua quá trình đi sâu tìm hiểu và tìm tài liệu tham khảo, chúng tôi thấy rằng còn có rất nhiều hạn chế trong kiến thức, thái độ, thực hành về phòng chống UTCTC của phụ nữ nước ta hiện nay, và ngay cả những người đã từng đi khám phụ khoa, từng điều trị những bệnh lý phụ khoa tức họ là những người có cơ hội được tiếp cận, chứng kiến thực tế những bệnh lý phụ khoa trong đó có ung thư cổ tử cung cũng vậy. Vì vậy, nhằm tăng hiệu quả phòng chống ung thư nói chung và UTCTC nói riêng, chúng tôi tiến hành nghiên cứu kiến thức, thái độ và thực hành về phòng chống ung thư cổ tử cung của bệnh nhân đang điều trị tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương với mục tiêu mô tả kiến thức, thái độ và thực hành phòng chống ung thư cổ tử cung của bệnh nhân đang điều trị bệnh lý phụ khoa tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương.

3. Kết quả và bàn luận

2. Đối tượng và phương pháp

Đối tượng

Những bệnh nhân đang điều trị các bệnh lý phụ khoa tại Khoa Điều trị theo yêu cầu Bệnh viện Phụ sản Trung ương trong 6 tháng đầu năm 2016.

Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu điều tra mô tả cắt ngang.

Tiêu chuẩn lựa chọn

Những bệnh nhân đang điều trị các bệnh lý phụ khoa tại Khoa Điều trị theo yêu cầu Bệnh viện Phụ sản Trung ương và tự nguyện tham gia nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại trừ

Bệnh nhân tự nguyện nhưng không hợp tác trong quá trình tham gia nghiên cứu.

Cỡ mẫu và chọn mẫu

Cỡ mẫu

Cỡ mẫu nghiên cứu được tính theo công thức:

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

n: Cỡ mẫu nghiên cứu

p=0,5 (vì chưa có nghiên cứu trên đối tượng bệnh nhân đang điều trị bệnh lý phụ khoa trước đó nên ta lấy tỷ lệ bệnh nhân có kiến thức và thực hành tốt là 50%).

d = 0,035: Mức chính xác của nghiên cứu, chính là sự khác biệt giữa tỷ lệ p thu được trên mẫu và tỷ lệ p thật của quần thể. Thay vào công thức, ta tính được cỡ mẫu n = 784. Thực tế, chúng tôi đã phỏng vấn được 860 bệnh nhân.

Chọn mẫu

Cỡ mẫu cho nghiên cứu sẽ được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Tất cả các bệnh nhân đang điều trị các bệnh lý phụ khoa tại Khoa Điều trị theo yêu cầu trong 6 tháng đầu năm 2016 sẽ được lựa chọn cho đến khi đủ cỡ mẫu.

3.1. Kết quả

3.1.1. Kiến thức về bệnh ung thư cổ tử cung

Bảng 1. Hiểu biết về mức độ phổ biến, nguyên nhân ung thư cổ tử cung

	Hiểu biết	Số lượng (n)	Tỷ lệ %
Bệnh thường gặp ở phụ nữ	Có	788	92
	Không/Không biết	72	8
Virus có liên quan đến UTCTC	Virus gây u nhú ở người (HPV)	728	85
	Virus HBV	12	1,4
	Virus HIV	16	1,9
	Không biết	104	11,7
	Nguyên nhân khác	0	0

Số trường hợp đánh giá UTCTC là bệnh thường gặp ở phụ nữ là 788 trường hợp chiếm tỷ lệ 92%. Hiểu biết đúng về nguyên nhân chính gây UTCTC là do virus HPV có 85% các trường hợp.

Bảng 2. Hiểu biết về đối tượng có nguy cơ cao mắc ung thư cổ tử cung

Hiểu biết	Số lượng (n)	Tỷ lệ %
Phụ nữ có quan hệ tình dục sớm	32	3,7
Phụ nữ có nhiều bạn tình	181	21,1
Bạn tình của người phụ nữ lại có nhiều bạn tình khác	586	68,1
Phụ nữ sinh đẻ nhiều lần	21	2,4
Không biết	40	4,7

Đối tượng có nguy cơ cao nhất mắc UTCTC là bạn tình của phụ nữ lại có nhiều bạn tình khác (68,1%), tiếp đến là phụ nữ có nhiều bạn tình (21,1%), phụ nữ sinh đẻ nhiều lần (2,6%), phụ nữ quan hệ tình dục sớm (3,7%) và 4,7% không biết về đối tượng có nguy cơ mắc UTCTC.

3.1.2. Kiến thức về phòng chống bệnh ung thư cổ tử cung

Bảng 3. Hiểu biết về khả năng phát hiện sớm và khả năng phòng chống ung thư cổ tử cung

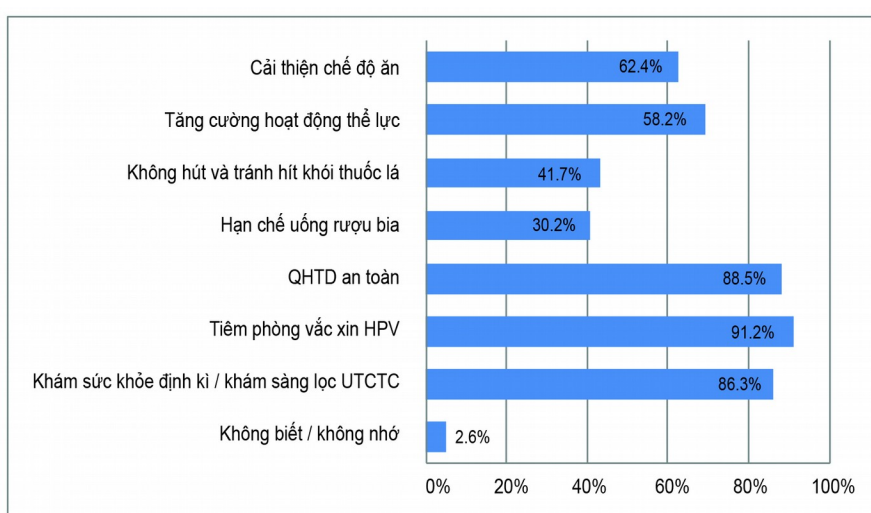
	Hiểu biết	Số lượng (n)	Tỷ lệ %
Khả năng phát hiện sớm	Có thể phát hiện sớm	722	84
	Không thể phát hiện sớm	48	5,6
	Không biết	90	10,4
Khả năng phòng chống được UTCTC	Có thể phòng chống	816	95
	Không thể phòng chống	20	2,4
	Không biết	22	2,6

Có 84% các trường hợp đánh giá UTCTC có thể phát hiện sớm, 5,6% không thể phát hiện sớm, còn lại là số đối tượng nghiên cứu không biết (10,4%). Phần lớn đối tượng nghiên cứu đánh giá UTCTC có thể phòng chống được (95%), 2,4% không thể phòng chống được và 2,6% không biết.

Bảng 4. Hiểu biết về biện pháp phát hiện sớm bệnh ung thư cổ tử cung

	Đặc điểm	Số lượng (n)	Tỷ lệ %
Biện pháp phát hiện sớm UTCTC	Khám tầm soát định kỳ bằng xét nghiệm Pap	312	36
	Khám phụ khoa định kỳ	452	53
	Tiêm phòng vắc xin HPV	22	2,6
	Khác	18	2
	Không biết/không nhớ	56	6,4

Tỷ lệ đối tượng nghiên cứu biết đến biện pháp khám sàng lọc định kỳ chiếm 36%, biện pháp khám phụ khoa định kỳ 53%, tiêm phòng vắc xin HPV chiếm 2,6%, các biện pháp khác chiếm 2% và còn lại 6% là không biết/không nhớ.

**Biểu đồ 1. Hiểu biết về các biện pháp phòng bệnh ung thư cổ tử cung**

Trong các biện pháp phòng bệnh UTCTC mà bệnh nhân có biết đến nhiều nhất là biện pháp tiêm phòng vắc-xin HPV (91,2%), biện pháp quan hệ tình dục (QHTD) an toàn (88,5%), tiếp theo đến khám sức khỏe định kỳ/ khám sàng lọc UTCTC (86,3%).

3.1.3. Thái độ và thực hành phòng chống ung thư cổ tử cung

Bảng 5. Thực hành phòng chống ung thư cổ tử cung

Biện pháp	Số lượng (n)	Tỷ lệ %
Cải thiện chế độ ăn (Ăn nhiều rau và hoa quả, hạn chế ăn đồ rán, nướng, hạn chế thực phẩm có chất bảo quản, ô nhiễm hóa chất)	197	54,80
Tăng cường hoạt động thể lực	332	47,9
Không hút thuốc và tránh hít khói thuốc	367	42,7
Hạn chế uống rượu bia	732	85,1
QHTD an toàn	453	52,7
Tiêm phòng vắc-xin HPV	182	21,2
Khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc UTCTC	486	56,5
Không làm gì	125	14,5

Các biện pháp mà ĐTNC đã thực hành để phòng chống UTCTC: Hạn chế uống rượu bia (96,3%), khám sức khỏe định kỳ/khám sàng lọc UTCTC (56,5%), QHTD an toàn (52,7%) biện pháp cải thiện chế độ ăn (54,08%), tăng cường hoạt động thể lực (47,9%), không hút và tránh hít khói thuốc (42,7%), tiêm phòng vắc-xin HPV (21,2%), và đối tượng nghiên cứu không làm gì phòng chống UTCTC chiếm 4,9%.

Bảng 6. Thái độ về tiêm phòng vắc-xin HPV

Đặc điểm	Đồng ý		Không đồng ý		Không biết/ không ý kiến	
	n	Tỷ lệ %	n	Tỷ lệ %	n	Tỷ lệ %
Tiêm phòng vắc-xin HPV đắt	546	63,5	212	25	102	11,5
Tiêm phòng vắc-xin HPV tốn thời gian	78	9	672	78	110	13
Tiêm phòng vắc-xin HPV không an toàn	26	3	712	83	122	14
Tiêm phòng vắc-xin HPV không có hiệu quả	30	3,5	761	88,5	69	8
Tiêm phòng vắc-xin HPV là một trong những biện pháp ngăn ngừa UTCTC hiệu quả nhất hiện nay	753	87,5	72	8,5	35	4

Có 63,5% các trường hợp đồng ý với ý kiến tiêm phòng vắc-xin HPV đắt, 25% không đồng ý và 11,5% không ý kiến. Tiêm phòng vắc xin HPV tốn thời gian: 9% trường hợp đồng ý, 78% không đồng ý và 13% không có ý kiến hoặc không biết. Tiêm phòng vắc-xin không an toàn có 3% đồng ý, 83% không đồng ý, và còn lại 14% là không biết và không đồng ý. Tiêm phòng vắc-xin HPV không có hiệu quả: Có 3,5% đồng ý, 88,5% không đồng ý và còn lại là không biết hoặc không đồng ý. Tiêm phòng vắc-xin HPV là một trong những biện pháp ngăn ngừa UTCTC hiệu quả nhất hiện nay: 87,5% đồng ý với ý kiến này.

3.2. Bàn luận

3.2.1. Kiến thức về bệnh ung thư cổ tử cung của những bệnh nhân đang điều trị các bệnh phụ khoa tại Khoa Điều trị theo yêu cầu Bệnh viện Phụ sản Trung ương

Trong nghiên cứu của chúng tôi, theo kết quả tại Bảng 1, có đến 92% bệnh nhân trả lời bệnh UTCTC là bệnh hay gặp ở phụ nữ khi được hỏi về mức độ thường gặp của bệnh UTCTC. Theo nghiên cứu của Trịnh Hữu Vách và cộng sự tiến hành trên toàn dân tại Hà Nội, Huế và Thành phố Hồ Chí Minh,

tỷ lệ người dân biết/nghe về bệnh UTCTC chiếm 54%. Tuy nhiên, theo nghiên cứu của Đặng Đức Nhu trên sinh viên nữ năm thứ 3 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn năm 2014 thì tỷ lệ này lên 81,35% [2]. Sự chênh lệch về kết quả của các nghiên cứu này với nghiên cứu chúng tôi lớn như vậy là do sự khác biệt về đối tượng nghiên cứu và độ rộng của cỡ mẫu.

Virus HPV là virus có liên quan đến nguyên nhân gây bệnh UTCTC, tỷ lệ đối tượng nghiên cứu (ĐTNC) biết được kiến thức này chiếm 85%, theo nghiên cứu của Đặng Đức Nhu thì tỷ lệ này chỉ 50,54% [2]. Yếu tố nguy cơ làm tăng khả năng mắc bệnh UTCTC được ĐTNC biết đến nhiều nhất là bạn tình của người phụ nữ lại có nhiều bạn tình khác (68,1%) và chỉ có 4,7% là không biết về yếu tố nguy cơ làm tăng khả năng mắc bệnh. Kết quả này thấp hơn so với kết quả của Trịnh Hữu Vách với 16,7% người dân và của Đặng Đức Nhu là 15,4% sinh viên không biết về yếu tố nguy cơ làm tăng khả năng mắc bệnh UTCTC, [2]. Như vậy, kết quả nghiên cứu của chúng tôi đưa ra cho thấy số ĐTNC hiểu về virus HPV là yếu tố liên quan đến nguyên nhân gây UTCTC cao hơn và số

ĐTNC không biết về yếu tố nguy cơ làm tăng khả năng gây UTCTC thì lại rất thấp so với các nghiên cứu của Trịnh Hữu Vách và Đặng Đức Nhu [7], [2]. Điều này có thể giải thích do mức độ hiểu biết về vấn đề này của ĐTNC. Để kiểm chứng vấn đề này chúng tôi có phỏng vấn sâu bệnh nhân thì được biết có đến 56% bệnh nhân bắt đầu tìm hiểu sâu về virus HPV ở thời gian trong 3 tháng gần đây sau khi đi khám phụ khoa tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương hoặc một số cơ sở y tế khác. Như vậy có thể nói lợi ích của việc khám phụ khoa định kỳ ngoài để sàng lọc, phát hiện bệnh lý phụ khoa còn là cơ hội để bệnh nhân được tư vấn, tiếp cận từ đó có ý thức tìm hiểu về các bệnh lý, giúp cho bệnh nhân biết cách phòng tránh được nhiều bệnh lý về phụ khoa. Từ đây chúng ta có thể nhắc tới vai trò quan trọng của truyền thông và các bộ ngành liên quan trong việc tuyên truyền phổ biến cho người dân về lợi ích của việc khám phụ khoa định kỳ.

3.2.2. Kiến thức, thái độ và thực hành về phòng chống ung thư cổ tử cung của những bệnh nhân đang điều trị các bệnh phụ khoa tại Khoa Điều trị theo yêu cầu Bệnh viện Phụ sản Trung ương

Kiến thức về phòng chống ung thư cổ tử cung

Trong nghiên cứu của chúng tôi, tỷ lệ ĐTNC biết bệnh UTCTC có thể phát hiện sớm chiếm 84%. Tỷ lệ này là cao so với nghiên cứu của Đặng Đức Nhu (65,4%) [2]. Nhưng khi hỏi về các biện pháp phát hiện sớm thì chỉ có 36% ĐTNC nêu ra được biện pháp khám tầm soát định kỳ bằng xét nghiệm phết đồ âm đạo (PAP). Như vậy số ĐTNC hiểu đúng về vai trò sàng lọc ung thư cổ tử cung của xét nghiệm PAP còn chưa cao mặc dù số ĐTNC biết là UTCTC có thể phát hiện sớm là cao. Tuy nhiên, bù lại có tới 53% số ĐTNC cho rằng cần phải đi khám phụ khoa định kỳ để phát hiện sớm UTCTC. Đây là 2 tỷ lệ khá cao so với kết quả nghiên cứu của Đặng Đức Nhu thì: Tỷ lệ sinh viên cho rằng xét nghiệm PAP có thể phát hiện sớm UTCTC chỉ 1,99% và 12,99% ĐTNC nêu ra biện pháp khám phụ khoa định kỳ. Điều này nói lên sự khác biệt về mức độ hiểu biết sâu các phương pháp phát hiện sớm UTCTC của hai đối tượng sinh viên nữ năm thứ 3

trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn năm 2014 và bệnh nhân đang điều trị bệnh phụ khoa tại Khoa Điều trị theo yêu cầu Bệnh viện Phụ sản Trung ương. Điều này cũng dễ hiểu, vì các bệnh nhân khi vào bệnh viện điều trị là những người thực sự mắc bệnh, họ tự tìm hiểu các kiến thức về bệnh tật đang mắc và bệnh tật liên quan, ngoài ra, khi khám bệnh, các bệnh nhân còn được tiếp xúc với các thầy thuốc chuyên khoa, có cơ hội nghe tư vấn cũng như tự tìm hiểu từ những bệnh nhân xung quanh.

Biện pháp phòng bệnh mà ĐTNC biết đến nhiều nhất là khám sức khỏe định kỳ (86,3%), quan hệ tình dục an toàn (88,5%), tiêm phòng vắc xin HPV cũng là một trong những biện pháp phòng chống UTCTC mà phần lớn các bệnh nhân lựa chọn (91,3%).

Nhìn chung, kiến thức về phòng chống bệnh UTCTC của ĐTNC khá tốt, tuy nhiên phòng bệnh không thì chưa đủ, phát hiện sớm bệnh cũng là một phần rất quan trọng trong việc giảm nhẹ gánh nặng bệnh tật.

Thái độ, thực hành của các sinh viên nữ về phòng chống bệnh UTCTC

Có 56,5% bệnh nhân đã thực hiện đi khám phụ khoa định kỳ hay sàng lọc UTCTC, 21,2% đã tiêm phòng vaccine HPV và 52,7% có thực hiện quan hệ tình dục an toàn. Trong khi đó theo như Biểu đồ 1 thì hiểu biết của bệnh nhân về các biện pháp phòng tránh UTCTC là: Khám sức khỏe định kỳ (86,3%), quan hệ tình dục an toàn (88,5%), tiêm phòng vắc xin HPV cũng là một trong những biện pháp phòng chống UTCTC mà phần lớn các bệnh nhân lựa chọn (91,3%). Như vậy việc nhận thức và thực hiện thực tế của bệnh nhân có một khoảng cách khá xa. Vậy lý do nào đã dẫn đến hiện tượng như vậy. Chúng tôi đã thực hiện thêm cuộc phỏng vấn sâu thì thấy rằng đa phần những bệnh nhân trước kia chưa từng đi khám phụ khoa định kỳ nói đã lên kế hoạch thực hiện khám định kỳ sàng lọc UTCTC sau đợt khám và điều trị này tại Khoa Điều trị theo yêu cầu. Qua đây một lần nữa khẳng định thêm vai trò quan trọng của việc khám phụ khoa định kỳ cũng như sự tư vấn cho

bệnh nhân mỗi lần đến khám về ý nghĩa của sàng lọc UTCTC của nhân viên y tế.

Trong kết quả nghiên cứu của chúng tôi, thái độ của ĐTNC về vắc-xin HPV, tỷ lệ ĐTNC cho rằng tiêm phòng vắc-xin HPV đạt chiếm 63,5%, 88,5% ĐTNC cho rằng tiêm phòng vắc-xin HPV có hiệu quả và 87,5% đánh giá đây là một trong những biện pháp có hiệu quả nhất hiện nay. Tuy nhiên, tỷ lệ ĐTNC đã tiêm phòng chỉ chiếm 21,2%. Qua kết quả trên, chúng tôi nhận thấy, tuy ĐTNC biết tiêm phòng vắc-xin có hiệu quả trong việc phòng chống bệnh UTCTC nhưng do giá cả chưa phù hợp với khả năng chi trả, ngoài ra một số bệnh nhân khi được phỏng vấn sâu họ đưa ra lý do rằng do đã quá tuổi tiêm phòng vaccine HPV hay đã quan hệ tình dục, trong khi đó vaccine HPV mới được phổ biến ở Việt Nam những năm gần đây và họ thừa nhận bản thân họ chưa thực sự quan tâm đến vấn đề phòng bệnh. Vì những lý do này mà hiện nay nước ta tỷ lệ mắc UTCTC ở phụ nữ đứng thứ 2 mặc dù UTCTC là bệnh ung thư có thể phòng tránh được [6].

Theo nghiên cứu của chúng tôi về thực hành phòng chống UTCTC của bệnh nhân thì có 85,5% bệnh nhân đã thực hành ít nhất một biện pháp để phòng chống. Đáng chú ý là có tới 14,5% ĐTNC không làm gì để phòng chống. Điều này cho chúng tôi nhận thấy được, ĐTNC có kiến thức đủ và đúng nhưng chưa chắc đã thay đổi được hành vi của họ. Cần phải tác động vào thái độ của họ thêm nữa để từ đó mới có thể thay đổi hành vi của họ.

4. Kết luận

Có 85% đối tượng nghiên cứu hiểu biết đúng về nguyên nhân chính gây ung thư cổ tử cung là virus HPV. Biện pháp phòng bệnh được đối tượng nghiên cứu biết đến nhiều nhất là tiêm phòng vắc-xin HPV (91,2%), quan hệ tình dục an toàn (88,5%), khám sức khỏe định kỳ (86,3%). Đối tượng nghiên cứu thực hiện đi khám sức khỏe định kỳ là 56,5% và chỉ có 21,2% thực hiện tiêm phòng vắc-xin HPV.

Kiến nghị

Qua kết quả nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy việc bệnh nhân có tỷ lệ nhận thức đúng về UTCTC

khá cao sau khi khám phụ khoa do có bệnh lý về phụ khoa cần phải điều trị, tuy nhiên tỷ lệ những bệnh nhân này thực hành trên thực tế để phòng chống UTCTC trước đây còn thấp. Vậy chúng ta cần tuyên truyền cho người dân nói chung cũng như tư vấn cho những bệnh nhân đến khám, điều trị tại các cơ sở y tế nói riêng khám sức khỏe định kỳ và tiêm phòng vắc xin HPV để phòng bệnh ung thư cổ tử cung.

Tài liệu tham khảo

1. International Agency for Research on Cancer (IARC) (2012) *Cervical Cancer, Estimated Incidence, Mortality and Prevalence Worldwide in 2012*.
2. Meisels A, Fortin R (1976) *Condylomatous lesions of the cervix and vagina I. Cytologic patterns* Act Cytol 20(6): 505-509.
3. Hội thảo quốc tế Dự phòng và điều trị ung thư cổ tử cung (2014) *Tài liệu lưu hành nội bộ*. Trường Đại học Y dược Huế.
4. Đặng Đức Nhu (2016) *Kiến thức, thái độ và thực hành về phòng chống ung thư cổ tử cung của sinh viên nữ năm thứ 3 đại học khoa học xã hội và nhân văn năm 2014*. Tạp chí y học dự phòng Tập XXVI, số 4(177) 2016, tr. 52-54.
5. Program for Appropriate Technology in Health (PATH) (2006) *Current and Future HPV Vaccines: Promise and Challenges*. http://screening.iarc.fr/doc/PATH_HP Vaccines-whitepaper_final.pdf.
6. Trần Thị Trung Chiến và Trần Thị Phương Mai (2003) *Tình hình nhiễm khuẩn đường sinh dục và ung thư cổ tử cung ở 8 tỉnh, thành phố Việt Nam*. Bộ Y tế và Ủy ban Quốc gia Dân số, Gia đình và Trẻ em. Nhà Xuất bản Y học, Hà Nội.
7. Trịnh Hữu Vách và cộng sự (2010) *Báo cáo đánh giá nhu cầu truyền thông phòng chống ung thư cho cộng đồng tại Hà Nội, Huế và TP Hồ Chí Minh*. Hội nghị khoa học phòng chống ung thư toàn quốc, tr. 35.